

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 13-4-2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thảo;
- Ông Huỳnh Sơn Tây.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 13 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ 9, ấp Tân Hóa, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thành T, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Hữu T – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 9, ấp Tân Hóa, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1926; địa chỉ: Số 1, hẻm 193/220/67, tổ 17, khu phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

- Cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 2010; địa chỉ: Tổ 9, ấp Tân Hóa, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Cẩm N: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 9, ấp Tân Hóa, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là mẹ ruột cháu Nhung).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện nguyên đơn ông Phạm Thành T trình bày:

Về quan hệ nhân thân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T là con của ông Nguyễn Đình T và bà Hồ Thị H. Ông Nguyễn Đình T chết ngày 01/02/2022 theo trích lục khai tử số 109/TLKT-BS ngày 11/3/2022. Quá trình sống chung ông T và bà H có 02 người con là bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N.

Cha ruột ông T là ông Nguyễn Văn Chín, sinh năm 1929 chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử.

Mẹ ruột ông T là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1933.

Về tài sản:

Phần đất có diện tích 249,3m² thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 7 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, sổ và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T ngày 05/6/2013. Đây là tài sản chung của ông T và bà H, nên bà T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ½ diện tích đất, cụ thể chia phần đất diện tích 124,65m² và tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình T chia cho 04 phần. Bà T yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Phần đất có diện tích 121,5m² thuộc thửa đất số 258, 259 tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội và tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình T. Vì vậy, bà T đề chia phần đất này thành 04 phần cho các thừa kế của ông T. Bà T đề nghị được nhận bằng hiện vật và hoàn lại giá trị cho các thừa kế còn lại.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Đối với Phần đất có diện tích 121,5m² thuộc thửa đất số 258, 259 tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội trong đó có 89,4m² sử dụng riêng thuộc thửa đất số 258 và 32,1m² sử dụng chung thuộc thửa đất số 259, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối phần đất thuộc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 có diện tích 32,1m². Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu cụ thể như sau:

- Giao phần đất có diện tích 124,65m² thuộc thửa đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế đất số 1048, tờ bản đồ số 7 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, sổ và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T ngày 05/6/2013 cho bà Hồ Thị H toàn quyền quản lý sử dụng.

- Yêu cầu được giao quản lý sử dụng chung với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Cẩm N đối với phần đất có diện tích 89,4m² thuộc thửa đất số 258 tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội và hoàn lại phần giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế còn lại.

- Đối với việc bà Nguyễn Thị H hiện đang sống trong căn nhà trên phần đất thuộc thửa đất số 258, bà Nhung đồng ý để bà H tiếp tục sinh sống trên đất đến khi qua đời.

- **Bị đơn bà Hồ Thị H, trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và về di sản do ông Nguyễn Đình T để lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, bà H thống nhất. Cụ thể:

+ Đối với di sản thừa kế là phần đất diện tích 124,65m² thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 7 tại phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, sổ và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T) cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T ngày 05/6/2013, bà H sẽ nhận bằng hiện vật và hoàn lại cho các đồng thừa kế giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất.

+ Đối với di sản thừa kế là phần đất diện tích 89,4m² thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội và tài sản trên đất, bà H thống nhất giao toàn bộ phần di sản thừa kế của bà H cho nguyên đơn là Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N cùng quản lý sử dụng.

+ Bà H không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả giá trị chênh lệch cho bà H.

- **Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Cẩm N, bà Hồ Thị H, trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn và bị đơn.

- **Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022 và 20/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, trình bày:** Bà H và ông Nguyễn Đình C (Mất khoảng năm 1977) là vợ chồng. Quá trình sống chung bà H và ông C có 07 người con chung là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đình C. Ông Nguyễn Đình T kết hôn với bà Hồ Thị H và có 02 con tên Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Thị Cẩm N, gia đình ông T sống ở ấp Tân Hóa, phường H, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương. Ông T mất tháng 02/2022. Bà H không biết ông T có để lại di chúc hay không.

Đối với thửa đất số 258 và 259 tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội có tổng diện tích 121,5m² (trong đó diện tích đất sử dụng riêng là 89,4m², sử dụng chung là 32,1m² là tài sản bà H đã tặng cho ông T từ trước. Ông T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất hiện tại có 01 căn nhà tạm, hiện tại bà H đang sinh sống. Bà H xác đây là tài sản của ông T để lại.

Đối với phần đất tại phường H, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất là tài sản chung của ông T và bà H, bà H không rõ nguồn gốc đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với phần di sản của ông T mà bà H được nhận, bà H yêu cầu được chia đều cho hai cháu Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Thị Cẩm N.

Tại biên bản định giá ngày 03/01/2023, Hội đồng định giá xác định:

+ Đối với thửa đất số 839 (nay là thửa đất số 1048), tờ bản đồ số 17 tại phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đất thổ cư có giá 16.000.000 đồng/m² và đất nông nghiệp có giá 10.000.000 đồng/m².

Về tài sản trên đất gồm: 01 nhà kho vách tường xây tô + tole, cột, kèo sắt, mái tole, có giá 2.760.000 đồng x 75% = 2.070.000 đồng.

+ Đối với quyền sử dụng đất và tài sản thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội, có giá 90.000.000 đồng/m².

Về tài sản trên đất: 01 căn nhà có kết cấu tường gạch xây tô 110 cao trên 3m, nền gạch Ceramic, mái tole không có khu phụ, diện tích 19,3m² có giá 4.396.540 đồng; Nhà xây gạch 110, cao dưới 3m, không có khu phụ, mái tole diện tích 7,9m² có giá 1.117.000 đồng và diện tích 22,8m² có giá 3.226.200 đồng. Sân gạch đất nung đỏ, diện tích 35,2m² có giá 989.120 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện bà Hồ Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 9, ấp Tân Hóa, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường P, quận B, thành phố

Hà Nội là di sản của ông Nguyễn Đình T để lại. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố T căn cứ khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và cách chia di sản thừa kế: Ông T chết năm 2022. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế vẫn còn và di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

[3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có văn bản xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án cũng như hòa giải, xét xử. Căn cứ các Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hàng thừa kế:

Qua lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Đình T có cha là ông Nguyễn Đình Chín (Mất khoảng năm 1977) và mẹ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1926; vợ là bà Hồ Thị H, có 02 người con là Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Thị Cẩm N. Ông Nguyễn Đình T mất tháng 02/2022, không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 gồm: Bà Nguyễn Thị H, Bà Hồ Thị H, bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N.

[4.2] Về di sản thừa kế:

- Về đất:

+ Phần đất có diện tích 249,3m² (theo kết quả đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 17 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, sổ và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T ngày 05/6/2013. Căn cứ theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T cung cấp cho Tòa án và sự thống nhất của các đương sự thể hiện đây là tài sản chung của ông T và bà H được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 66 Luật hôn nhân gia đình “2. Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế”. Như vậy, xác định phần đất có diện tích 124,65m² và tài sản gắn liền với đất là di sản của ông T. Phần đất có diện tích 124,65m² và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền quản lý, sử dụng và sở hữu của bà H.

+ Phần đất có diện tích 89,4m² thuộc thửa đất số 258 tờ bản đồ

số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CS 126200, số vào sổ cấp GCN CS-BTL 15443 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Đình T ngày 05/9/2019. Các đương sự thống nhất đây di sản do ông T để lại. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định phần đất 89,4m² thuộc thửa đất số 258 tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

- Về tài sản trên đất:

+ Tài sản trên phần đất có diện tích 124,65m² thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 17 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là một phần nhà kho, kết cấu vách tường xây tô + tole, cột, kèo sắt, mái tole có diện tích 124,65m² các đương sự thống nhất đây là di sản do ông T để lại. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

+ Tài sản trên phần đất có diện tích 89,4m² thửa đất số 258 tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội gồm một phần căn nhà có kết cấu tường gạch xây tô 110 cao trên 3m, nền gạch Cramic, mái tole không có khu phụ diện tích 19,3m²; Nhà xây gạch 110, cao dưới 3m, không có khu phụ, mái tole diện tích 7,9m² và diện tích 22,8m². Sân gạch đất nung đỏ, diện tích 35,2m². Các đương sự thống nhất đây là di sản do ông T để lại. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Xét, phần đất có diện tích 124,65m² và tài sản trên đất là nhà kho có diện tích 124,65m² thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 17 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, số và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T ngày 05/6/2013 là di sản do ông Nguyễn Đình T để lại. Vì vậy, căn cứ Điều 650 và Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự thì bà Nguyễn Thị H, bà Hồ Thị H, bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N là những người thừa kế theo pháp luật, mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng nhau phần di sản của ông T để lại. Căn cứ theo Biên bản định giá ngày 01/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản thì phần đất có diện tích 124,65m² thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 17 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương giá trị quyền sử dụng đất là: 1.709.700.000 đồng; Nhà kho có diện tích 124,65m² có giá: 258.025.500 đồng. Như vậy tổng giá trị di sản là: 1.967.725.500 đồng, được chia thành 04 kỷ phần mỗi kỷ phần là: 491.931.375 đồng.

[6] Xét, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CS 126200, số vào sổ cấp GCN CS-BTL 15443 do Sở Tài nguyên và môi trường

thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Đình T ngày 05/9/2019 là di sản do ông T để lại. Vì vậy, căn cứ Điều 650 và Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự thì bà Nguyễn Thị H, bà Hồ Thị H, bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N là những người thừa kế theo pháp luật, mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng nhau phần di sản của ông T để lại. Căn cứ theo Biên bản định giá ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thì giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 89,4m² là 8.046.000.000 đồng và giá trị tài sản trên đất là: 9.729.710 đồng.

Như vậy, tổng giá trị di sản là: 8.055.729.710 đồng, được chia thành 04 kỷ phần mỗi kỷ phần là: 2.013.932.427 đồng.

[7] Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích 32,1m² thuộc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[8] Xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H tự nguyện để phần di sản được nhận thừa kế từ ông T cho bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Cẩm N thống nhất chỉ phần di sản của ông Nguyễn Đình T để lại như sau:

- Bà Hồ Thị H được nhận phần di sản do ông Nguyễn Đình T để lại là phần đất có diện tích 124,65m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 17 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, số và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T ngày 05/6/2013.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N được nhận phần di sản của ông T để lại là phần đất có diện tích 89,4m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CS 126200, số vào sổ cấp GCN CS-BTL 15443 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Đình T ngày 05/9/2019.

- Bà H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N hoàn lại giá trị chênh lệch đối với phần di sản được nhận.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện để cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H tiếp tục sinh sống trên phần đất thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội đến cuối đời.

* Xét, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.250.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện chịu toàn bộ. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp xong.

[11] Về án phí dân sự: Những người được phân chia di sản thừa kế phải nộp tiền án phí tương ứng giá trị tài sản mà họ được hưởng. Cháu Nguyễn Thị Cẩm N sinh ngày 12/10/2010 là người trẻ em được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cháu Nguyễn Thị Cẩm N được miễn nộp tiền án phí dân sự.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 39, 157, 165; Điều 203, 220, 227, 235, 244, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2, Điều 66 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 32,1m² thuộc thửa đất số thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc Tranh chấp di sản thừa kế.

3. Xác định ½ quyền sử dụng đất có diện tích 249,3m² và tài sản gắn liền với đất là phần đất có diện tích 124,65m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 17 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, sổ và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T và phần đất có diện tích 89,4m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CS 126200, sổ vào sổ cấp GCN CS-BTL 15443 do

Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Đình T ngày 05/9/2019 là di sản của ông Nguyễn Đình T.

3. Phân chia phần di sản của ông Nguyễn Đình T cho các thừa kế của ông Nguyễn Đình T gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Hồ Thị H, bà Nguyễn Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị Cẩm N, cụ thể như sau:

- Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H cho phần di sản thừa kế mà bà H được nhận cho bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N.

- Chia cho bà Hồ Thị H phần di sản do ông Nguyễn Đình T để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 124,65m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 17 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 152158, sổ và sổ cấp GCN CH 02791 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp cho bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Đình T ngày 05/6/2013. (Có bản vẽ kèm theo).

Bà Hồ Thị H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước để cập nhật điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất cho người được nhận di sản theo Quyết định của Bản án này.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N phần di sản của ông Nguyễn Đình T để lại là phần đất có diện tích 89,4m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 258, tờ bản đồ số 6 tại phường P, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CS 126200, sổ vào sổ cấp GCN CS-BTL 15443 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Đình T ngày 05/9/2019. (Có bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước để cập nhật biến động quyền sử dụng đất cho người được nhận di sản theo Quyết định của Bản án này.

- Ghi nhận việc bị đơn bà Hồ Thị H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N hoàn lại giá trị chênh lệch đối với phần di sản được nhận.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện chịu toàn bộ.

4. Về án phí dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 58.027.865 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005959 ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T (nay là thành phố T). Bà Nguyễn Thị Cẩm T còn phải nộp 29.527.865 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

- Bà Hồ Thị H phải chịu 71.031.765 đồng.

- Cháu Nguyễn Thị Cẩm N được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

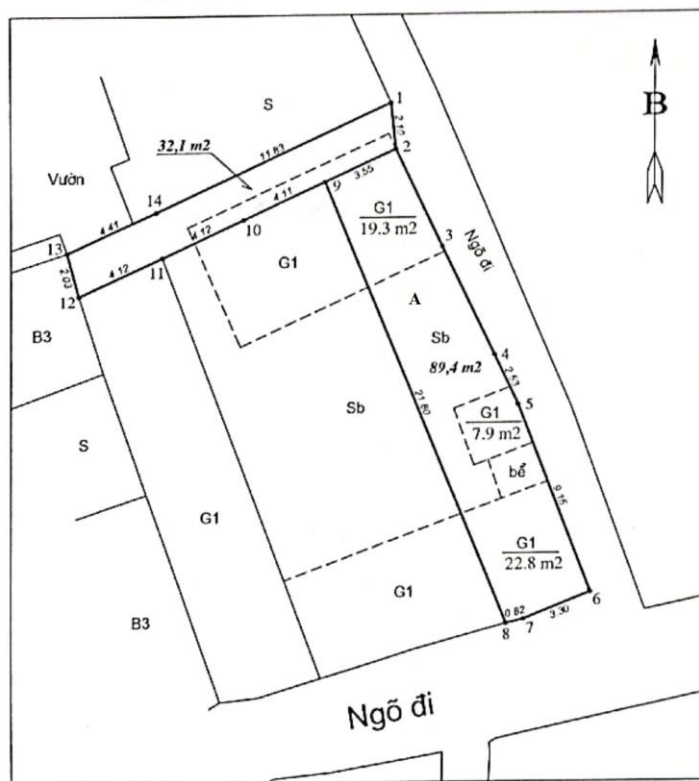
Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn

**SƠ ĐỒ BẢN VẼ KÈM THEO BẢN ÁN DÂN SỰ SƠ THẨM SỐ
22/2023/DS-ST NGÀY 13-4-2023 CỦA TAND THÀNH PHỐ T,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**



Số hiệu góc thửa	Tọa độ		S(m)
	X(m)	Y(m)	
2	2329071.08	578696.44	4.94
3	2329066.65	578698.62	5.51
4	2329061.70	578701.05	2.53
5	2329059.43	578702.17	9.15
6	2329050.91	578705.49	3.30
7	2329049.70	578702.42	0.82
8	2329049.52	578701.62	21.8
9	2329069.63	578693.20	3.55
2	2329071.08	578696.44	
1	2329073.17	578696.23	2.10
2	2329071.08	578696.44	3.55
9	2329069.63	578693.20	4.11
10	2329067.95	578689.45	4.12
11	2329066.27	578685.69	4.12
12	2329064.58	578681.93	2.03
13	2329066.54	578681.40	4.41
14	2329068.34	578685.43	11.83
1	2329073.17	578696.23	

Ghi chú:

- A là phần di sản bà Nguyễn Thị Cẩm T và cháu Nguyễn Thị Cẩm N được nhận;
- Giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 2;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn